

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 15 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Lung;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tài Đức;

Bà Ngô Thị Minh T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy T, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đinh Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Đinh Đức T - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy T trình bày: Chị và anh Đinh Đức T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện O, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống tại địa chỉ khu dân cư T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thiếu quan tâm vợ con, không chia sẻ công việc cùng chị, hay ghen tuông, hành xử thiếu tế nhị với khách hàng của chị, nhiều lần chị nhắc nhở nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị và anh T có 01 người con tên Đinh Trí K, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống với chị.

Nay chị nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T và xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Đức T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy T.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 31/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy T được ly hôn với anh Đinh Đức T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Trí K, sinh ngày 11/7/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 anh Đinh Đức T có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị T, vì anh còn thương yêu vợ, không muốn con phải sống thiếu tình thương của cha mẹ. Anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa phải là trầm trọng, do công việc của anh quá nhiều nên anh thiếu quan tâm vợ con, còn việc ghen tuông với khách hàng vì anh không muốn họ qua lại với vợ anh nhưng họ không

nghe và còn chống đối nên anh mới hành xử thiếu tế nhị. Anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tạo điều kiện cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Đinh Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy T không rút đơn khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của anh T, yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Đinh Đức T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thùy T và anh Đinh Đức T đều thừa nhận: “Nguyên nhân dẫn đến chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T là do cuộc sống của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn như: tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, anh T thiếu quan tâm đến vợ con, hay ghen tuông vô cớ và hành xử thiếu tế nhị đối với khách hàng của chị T và hai người đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay”. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu được ly hôn với anh T; anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn với chị T.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tạo mọi điều kiện để chị T và anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng thông qua các thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ và hòa giải... Tuy nhiên, anh T đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, chẳng những anh vắng mặt không có lý do mà còn gây khó khăn cho Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng tiếp theo cho anh T, Tòa án phải thực hiện các thủ tục niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Điều này cho thấy, anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã dành nhiều thời gian hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T.

Cấp sơ thẩm kết luận hôn nhân giữa anh T với chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, quyết định cho chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ. Do đó kháng cáo của anh T không đồng ý ly hôn với chị T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Chị T và anh T được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện O, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2015. Cấp sơ thẩm áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là chưa phù hợp mà phải áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 mới chính xác, cần phải điều chỉnh cho đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Đức T; chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, anh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Đức T.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy T được ly hôn với anh Đinh Đức T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Trí K, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Nguyễn Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đinh Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Đinh Trí K, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm, chị Nguyễn Thùy T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003244 ngày 09/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm, anh Đinh Đức T phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số

0007416 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- THA dân sự thành phố R;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đào Văn Lung